

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HS-ST

Ngày: 21-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trương Hoàng Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Bà Trần Lệ Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2020/TLST-HS, ngày 25 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị Mỹ L – Sinh ngày: 28/01/1999; Giới tính: Nữ; Nơi sinh: huyện K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Không; Nơi ĐKTT: ấp An Phú, xã Nam D, huyện K, tỉnh K; Chỗ ở: số 11 Nguyễn Huỳnh Đức, phường Vĩnh T, thành phố R, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Cha: Trần Minh T – Sinh năm: 1969; Nghề nghiệp: Buôn bán; Mẹ: Lê Thị Mỹ N – Sinh năm: 1971; Nghề nghiệp: Buôn bán; Chị ruột: Trần Thị Mỹ C – Sinh năm: 1985; Nghề nghiệp: Buôn bán; Cùng trú tại xã Nam Du, huyện K, tỉnh K; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Ngày 24/7/2019, thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích tích. Đến ngày 17/3/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá khởi tố, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 68 ngày 17/3/2020. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở số 11 Nguyễn Huỳnh Đức, phường Vĩnh T, thành phố R.

2. Họ và tên: Thái Vũ L – Sinh ngày: 27/10/2000; Giới tính: Nam; Nơi sinh: huyện A, tỉnh; Nghề nghiệp: Không; Nơi ĐKTT và chỗ ở: tổ 10, ấp An Phú, xã Nam D, huyện K, tỉnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Thái Vũ L – Sinh năm: 1982; Nghề nghiệp: Buôn bán; Mẹ: Trần Thị Phúc D –

Sinh năm: 1980; Nghề nghiệp: Buôn bán; Em ruột: Thái Thị Tường V – Sinh năm: 2003; Nghề nghiệp: Buôn bán; Cùng trú tại tổ 10, ấp An Phú, xã Nam D, huyện K, tỉnh K; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Ngày 24/7/2019, thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích. Đến ngày 17/3/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá khởi tố, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 69 ngày 17/3/2020. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở tổ 10, ấp An Phú, xã Nam D, huyện K, tỉnh K.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn L – Sinh ngày: 27/7/1989; Giới tính: Nam; Nơi sinh: huyện A, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm thuê; Nơi ĐKTT: ấp Kinh Dài, xã Tây Y, huyện A, tỉnh K; Chỗ ở: 126/4A Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Q, thành phố R; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Nguyễn Văn L – Sinh năm: 1965; Nghề nghiệp: Không; Mẹ: Trần Thị H – Sinh năm: 1965; Nghề nghiệp: Không; Em ruột: Nguyễn Thị Yên N – Sinh năm: 1991; Nghề nghiệp: Không; Cùng trú tại: 126/4A Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Q, thành phố R; Vợ: Huỳnh Thị N – Sinh năm: 1989; Nghề nghiệp: Không; Con 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; Cùng trú tại số 126/4A Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Q, thành phố R; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Ngày 24/7/2019, thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích. Đến ngày 17/3/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá khởi tố, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 70 ngày 17/3/2020. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở số 126/4A Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Q, thành phố R, tỉnh K.

4. Họ và tên: Lê Văn K – Sinh năm: 1989; Giới tính: Nam; Nơi sinh: huyện A, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm thuê; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp Thứ Nhất, xã Tây Yên, huyện A, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Lê Văn P – Sinh năm: 1956; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1956; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Em ruột: Lê Thị Ngọc K – Sinh năm: 1993; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cùng trú tại ấp Thứ Nhất, xã Tây Y, huyện A, tỉnh K; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Ngày 24/7/2019, thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích. Đến ngày 17/3/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá khởi tố, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 71 ngày 17/3/2020. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở ấp Thứ Nhất, xã Tây Y, huyện A, tỉnh K.

5. Họ và tên: Trần Tấn T – Sinh năm: 1988; Giới tính: Nam; Nơi sinh: huyện A, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm thuê; Nơi ĐKTT và chỗ ở: ấp Kinh Dài, xã Tây Y, huyện A, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Trần Văn T – Sinh năm: 1955; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Đặng Thị T – Sinh năm: 1952; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chị, em ruột 02 người, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1991; Vợ: Phạm Kim H – Sinh năm: 1989 (Đã ly hôn); Con: Trần Tấn L – Sinh ngày: 21/11/2011; Cùng trú tại ấp Kinh Dài, xã Tây Y, huyện A, tỉnh K; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Ngày 24/7/2019, thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích. Đến ngày 12/02/2020, bị bắt tạm giam, theo Lệnh số 14. Ngày 12/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá. Đến ngày 24/6/20120, được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh theo Quyết định số 18 ngày 24/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá. Hiện bị cáo tại ngoại ở ấp Kinh Dài, xã Tây Y, huyện A, tỉnh K.

Các bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

* Người bị hại: Trần Duy K, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp Thạnh Đông, xã Thạnh P, huyện G, tỉnh K (vắng mặt, có đơn vắng mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo L là Luật sư Mai Hồng H – Thuộc đoàn Luật sư tỉnh (có mặt).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Lê Mỹ H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Huỳnh Đức, phường Vĩnh T, thành phố R, tỉnh K (có mặt).

* Người làm chứng:

+ Điều Thị Bích N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số 344 Phan Đăng Lưu, khu phố 3, phường An B, thành phố R, tỉnh K (có mặt).

+ Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Số 106/70 Nguyễn Thái H, khu phố 2, phường Vĩnh B, thành phố R, tỉnh K (vắng mặt).

+ Tạ Tổ Tường V, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 1023 Nguyễn Thị Định, phường Vĩnh H, thành phố R, tỉnh K (vắng mặt).

+ Cao Thiên Phú, sinh năm 1998; Địa chỉ: 83C khu phố Vĩnh Viễn, phường Vĩnh H, thành phố R, tỉnh K (vắng mặt).

+ Trương Tiến B, sinh năm 1998; Địa chỉ: Tổ 8, khu phố Vĩnh Viễn, phường Vĩnh H, thành phố R, tỉnh K (vắng mặt).

+ Thị Kim T, sinh năm 2003; Địa chỉ: Số 1023 Nguyễn Thị Định, phường Vĩnh H, thành phố R, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 23/7/2019, Trần Duy K (D) nghe nói Thị Kim T bị Nguyễn Thị Bé T đánh ở gần quán “Zen” trên đường 3/2, phường An H, thành phố R nên K rủ bạn là Cao Thiên P, Tạ Tổ Tường V, Trương Tiến B chạy xe đến gần quán “Z” đón T về (K là bạn trai của chị gái T tên là T). Trên đường đi, K kêu cả nhóm chạy xe đi tìm Trần Thị Mỹ L (L có mối quan hệ tình cảm với T và T), khi nhóm K chạy đến quán 535 ở góc đường Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Trung T, phường An H, thành phố R thì gặp L đang ăn uống cùng bạn tên Điều Thị Bích N (D), Gia H và T (chưa rõ tên thật, địa

chỉ). Khi gặp L, K nói việc T bị T đánh là do L; K có chửi và dùng tay xô đẩy L thì được những người xung quanh can ngăn. K kêu L đưa T đến quán Z để xin lỗi T và nhóm K chạy xuống quán Z trước (Bút lục số: 188, 189, 192, 193, 196, 197, 198).

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, do sợ đến điểm hẹn sẽ bị nhóm K đánh nên L dùng điện thoại nhãn hiệu Iphone 7, màu đỏ gọi vào máy điện thoại hiệu OPPO màu đen xanh của Thái Vũ L, lúc này L đang uống bia cùng Bùi Văn S (R), sinh ngày 20/11/2004 và 02 người bạn cùng tên H (không rõ tên thật, địa chỉ) tại khu vực phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, L nói với L là L bị nhóm của K đánh và nhờ L đến quán Z giúp L đánh nhóm của K, L đồng ý. L hỏi L nhóm K có bao nhiêu người thì L trả lời có khoảng 04 đến 05 người, L kêu L chạy xe xuống quán Z trước đợi L. Khi điện thoại cho L xong, L kêu N (D) chạy xe đi rước T đến quán Z để nói chuyện với T, còn L chạy xe mô tô hiệu Honda Ariblade màu vàng, đen, xám, biển số 68M6-6770 (xe của mẹ nuôi L tên Lê Mỹ H, bà H không biết Linh chạy xe đi đánh nhau) xuống quán Z trước đợi L. Khi nghe điện thoại của L xong, L rủ Sáng cùng đến quán Z đánh nhóm K thì S đồng ý. Do nhóm của K có nhiều người nên L điện thoại vào máy điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen của Nguyễn Văn L nói với L là đang chuẩn bị đánh nhau, hỏi mượn hung khí của L và kêu L đến khu vực quán Z gần cổng Phú C tiếp L đánh nhau, L đồng ý. Khi gọi điện thoại cho L xong thì L dùng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, biển số 68S1-430.47 (xe của L, hiện nay L đã bán cho người khác) chở Bùi Văn S chạy đến quán “Z” gặp L. Khi nghe điện thoại của L xong, thì L nói với bạn là Lê Văn K, L xảy ra đánh nhau và kêu K cùng L giúp L đánh nhau thì K đồng ý (lúc này K đang ở trên gác phòng trọ của L tại số 22/8 đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh B), sau đó L điện thoại vào máy điện thoại di động Nokia 1280 màu đen cho bạn tên Trần Tấn T (lúc này T đang ở quán Karaoke R trên đường Tôn Đức Thắng thuộc phường Vĩnh L), L kêu T chạy xe về phòng trọ của L có việc thì T chạy xe về phòng trọ của L. Khi T chạy xe đến phòng trọ của L thì gặp L và K, L nói cho T biết việc L gặp chuyện sắp đánh nhau và cần L, K, T giúp L đánh nhau thì cả nhóm đồng ý. L lấy 01 cây ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 45 cm gần nhà bếp trong phòng trọ của L, K đến khu vực bếp trong phòng trọ của L lấy 01 cây dao dài 43 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng, T lên gác phòng trọ của L lấy 01 cây búa tự chế bằng kim loại dài khoảng 30 cm (cây búa có sẵn trên gác của ai L và T không biết, do T thường xuyên đến phòng trọ của L chơi nên biết). Khi đi, K điều khiển xe mô tô hiệu Honda Ariblade màu trắng (xe của L, hiện L đã bán không nhớ biển số) chở L, còn T chạy xe mô tô hiệu Honda Ariblade màu cam (xe của L, hiện L đã bán không nhớ biển số) cùng nhau chạy đến quán Z.

Đến khoảng 00 giờ ngày 24/7/2019, K cùng P, V, T, B đang ngồi ở ghế đá kế quán “Z” tại trước nhà số P3 căn 21 đường 3/2, khu phố 5, phường An H, thành phố R chờ L đưa T đến xin lỗi T. Lúc này L chạy xe đến và đậu xe cách nhóm K khoảng 05 mét thì L

chở Sáng đến, tiếp đến K chở L và T cùng chạy xe đến gặp L. L, S, L, T, K hỏi L là ai đã đánh L thì L chỉ K nên cả nhóm xông vào đánh K, còn P, V, T, B bỏ chạy, nhóm của L vây quanh K để đánh, trong đó, L, L dùng tay đánh nhiều cái vào người của K, Sáng dùng nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào người K, L dùng cây ba khúc đánh nhiều cái vào người của K, K từ phía sau K dùng dao chém 02 nhát vào vùng lưng bên phải của K gây thương tích, T từ phía sau của K dùng búa chém 01 nhát trúng vào vùng thắt lưng phía sau của K gây thương tích, bị đánh, chém nên K bỏ chạy thì nhóm của L không đuổi theo mà đi về, còn K được P, V, B, T chạy đến đưa vào bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang điều trị thương tích. Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, Cao Thiên P đến Công an phường An H trình báo sự việc. Ngày 29/7/2019, Trần Duy K làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và giám định thương tích. Đến ngày 01/8/2019, Trần Duy K xuất viện.

Từ ngày 12/02/2020 đến ngày 17/3/2020, Trần Tấn T, Nguyễn Văn L, Trần Thị Mỹ L, Lê Văn K, Thái Vũ L lần lượt bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá khởi tố để điều tra.

*** Việc thu giữ tài liệu, vật chứng:**

Nguyễn Văn L giao nộp:

- 01 (một) cây ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 45 cm, phần cán có bao nhựa màu đen, đã bị hư không đuổi ra được.

Lê Văn Kha đã giao nộp:

- 01 (một) cây dao dài 43 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

Tất cả đã nhập kho vật chứng.

- 01 (một) đoạn Camera (đã lưu vào hồ sơ vụ án).

- Đối với 01 (một) cây búa bằng kim loại, dài khoảng 30 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi búa màu trắng, đen Trần Tấn T dùng gây thương tích cho Trần Duy K, T đem về để lại trên gác phòng trọ của Nguyễn Văn L, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 7, màu đỏ của Trần Thị Mỹ L; 01 (một) điện thoại hiệu OPPO màu đen xanh, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, biển số 68S1-43047 của Thái Vũ L; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen, 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Ariblade màu trắng, 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Ariblade màu cam của Nguyễn Văn L; 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280 màu đen của Trần Tấn T, hiện các bị cáo đã bán xe cho người khác và điện thoại đã hư hỏng nên đã vứt bỏ hiện Cơ quan điều tra không thu hồi được.

****Tại Bản kết luận giám định pháp y số: 533/KL-PY, ngày 17/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận về thương tích của người bị hại Trần Duy K như sau:***

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - Sẹo xơ cứng vùng lưng bên phải và sẹo phẫu thuật
 - Sẹo mềm vùng cột sống thắt lưng bên trái.
 - Gãy (đứt) cung sau xương sườn VI bên phải.
 - Tồn thương màng phổi phải, tràn khí, tràn máu màng phổi, đã được phẫu thuật dẫn lưu khoang màng phổi. Hiện tại để lại sẹo xơ dính màng phổi phải.
 2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 19% (Mười chín phần trăm).
 3. Vật gây thương tích:
 - Thương tích vùng lưng phải do vật sắc nhọn gây nên.
 - Thương tích vùng cột sống thắt lưng do vật sắc gây nên.
 4. Về thẩm mỹ và chức năng bộ phận cơ thể: Các thương tích không gây ảnh hưởng thẩm mỹ và không gây hạn chế chức năng bộ phận cơ thể.
- * Về xử lý vật chứng:** áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 45 cm, phần cán có bao nhựa màu đen, đã bị hư không dùng được; 01 (một) cây dao dài 43 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

Theo lệnh nhập kho vật chứng số 57 ngày 30/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá.

*** Về phần dân sự:**

Bị hại Trần Duy K yêu cầu các bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T bồi thường chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động, tổn thất tinh thần và giảm chức năng bộ phận cơ thể do thương tích gây nên với tổng số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm, ba mươi triệu đồng chẵn). Bị cáo Trần Thị Mỹ L và các bị cáo Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T thỏa thuận, bị cáo L bồi thường cho bị hại Trần Duy K 130.000.000 đồng (trong đó : bị cáo L tự bồi thường và bồi thường thay cho các bị cáo L, L, K, T) và mỗi bị cáo L, L, K, T phải trả lại cho bị cáo L số tiền 26.000.000 đồng. Bị hại Trần Duy K đã nhận đủ tiền và đã làm đơn bãi nại và rút lại đơn yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo L, L, K, T.

Tại bản Cáo trạng số: 131/CT-VKS ngày 24/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L,

Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ L mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Thái Vũ L mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Tấn T mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn K mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Duy K yêu cầu các bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T bồi thường chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động, tổn thất tinh thần và giảm chức năng bộ phận cơ thể do thương tích gây nên với tổng số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm, ba mươi triệu đồng chẵn). Bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T thỏa thuận, bị cáo L bồi thường cho bị hại Trần Duy K 130.000.000 đồng (trong đó: bị cáo L tự bồi thường và bồi thường thay cho các bị cáo L, L, K, T) và mỗi bị cáo L, L, K, T phải trả lại cho bị cáo L số tiền 26.000.000 đồng. Bị hại Trần Duy K đã nhận đủ tiền và đã làm đơn bãi nại và rút lại đơn yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo L, L, L, K, T, đề nghị HĐXX miễn xét.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo L, L, L, K, Tài thừa nhận toàn bộ hành vi cố ý gây thương tích cho người bị hại Trần Duy K theo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá đã truy tố, về tội danh, về điều luật áp dụng. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo L đã bồi thường thiệt hại cho bị hại xong và bị cáo L không yêu cầu các bị cáo L, L, K,

T trả lại và đơn bãi nại bị hại cũng không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm hình sự, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa người bị hại Trần Duy K vắng mặt. Quá trình điều tra, truy tố người bị hại Trần Duy K thể hiện quan điểm: Về trách nhiệm dân sự, yêu cầu các bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T bồi thường chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động, tổn thất tinh thần và giảm chức năng bộ phận cơ thể do thương tích gây nên với tổng số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm, ba mươi triệu đồng chẵn) các bị cáo đã bồi thường xong.

Về trách nhiệm hình sự, bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo L cho rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" là có cơ sở và đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là người thiếu hiểu biết về pháp luật; bị cáo không có đi học nên cũng hạn chế về kiến thức pháp luật, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; từ đó áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đối với bị cáo L chưa có tiền án tiền sự, có ông nội là ông Nguyễn Văn T (đã chết) được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ Hạng Nhất và bà nội là bà Huỳnh Thị B được chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và bác là ông Nguyễn Hoàng N là thương binh hạng 2/4, gia đình bị cáo khó khăn, nên cần áp dụng điểm b s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Nghị Quyết số 65 thì bị cáo Lắc đủ điều kiện để được hưởng án treo nên xin Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, cùng vật chứng đã thu hồi.

Tại phần nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai các bị cáo, người làm chứng, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 23 giờ ngày 23/7/2019, do mâu thuẫn từ việc Thị Kim T bị Nguyễn Thị Bé T đánh nên Trần Duy K cho rằng việc T bị đánh là do Trần Thị Mỹ L, K có chửi và dùng tay xô đẩy L (được những người xung quanh can ngăn). L bực tức nên điện thoại cho Thái Vũ L rủ L giúp L đánh K, L đồng ý và rủ Bùi Văn S, sinh ngày 20/11/2004 và Nguyễn Văn Lắc. Lắc tiếp tục rủ Trần Tấn Tài và Lê Văn Kha giúp L đi đến quán “Z” gần số P3 căn 21 đường 3/2, khu phố 5, phường An H, thành phố R đánh Trần Duy K. Đến khoảng 00 giờ ngày 24/7/2019 khi Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T gặp nhau ở gần quán “Z”. L chỉ cho cả nhóm biết K (K đang ngồi ở ghế đá kế quán “Z”), liền lúc cả nhóm của L cùng xông vào đánh K, trong đó, L, L dùng tay đánh nhiều cái vào người của K, S dùng nón bảo hiểm đánh vào người K, L dùng 01 cây ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 45 cm, phần cán có bao nhựa màu đen (là hung khí nguy hiểm) đánh nhiều cái vào người của K, K dùng 01 cây dao dài 43 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng (là hung khí nguy hiểm) chém 02 nhát vào vùng lưng bên phải của K gây thương tích, T dùng 01 (một) cây búa bằng kim loại, dài khoảng 30 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi búa màu trắng, đen (là hung khí nguy hiểm) chém 01 nhát trúng vào vùng thắt lưng của K gây thương tích, qua giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Duy K do thương tích gây nên hiện tại là 19%.

Từ ngày 12/02/2020 đến ngày 17/3/2020, Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T lần lượt bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá đã khởi tố để điều tra.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T thừa nhận thương tích của người bị hại Trần Duy K là do các bị cáo gây ra như đã nêu trên. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định pháp y về thương tích và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Các bị cáo gây thương tích cho người bị hại Trần Duy K tỷ lệ thương tật 19%, do hung khí bị cáo dùng để gây thương tích là 01 cây côn ba khúc bằng kim loại

màu trắng dài 45 cm, phần cán có bao nhựa màu đen (là hung khí nguy hiểm) đánh nhiều cái vào người của K, K dùng 01 cây dao dài 43 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng (là hung khí nguy hiểm) chém 02 nhát vào vùng lưng bên phải của K gây thương tích, Tài dùng 01 (một) cây búa bằng kim loại, dài khoảng 30 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi búa màu trắng, đen (là hung khí nguy hiểm), thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự, như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì mâu thuẫn của T và T đánh nhau không có liên quan gì đến các bị cáo và bị hại mà các bị cáo đã dùng 01 cây ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 45 cm, phần cán có bao nhựa màu đen (là hung khí nguy hiểm) đánh nhiều cái vào người của K, K dùng 01 cây dao dài 43 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng (là hung khí nguy hiểm) chém 02 nhát vào vùng lưng bên phải của K gây thương tích, T dùng 01 (một) cây búa bằng kim loại, dài khoảng 30 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi búa màu trắng, đen (là hung khí nguy hiểm) gây thương tích cho bị hại. Hành vi của các bị cáo là thể hiện bản tính hung hăng, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác và xem thường pháp luật; các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe mà còn gây tổn hại về tinh thần cho bị hại, gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

Đối với bị cáo L chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đã rủ rê các bị cáo còn lại để thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại.

Đối với bị cáo L, L, T và K là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại.

Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo L thì có tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn

bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại, để khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Vụ việc xảy ra có lỗi của người bị hại và người bị hại Trần Duy K có đơn xin bãi nại cho các bị cáo nên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian mới đảm bảo mục đích trừng trị, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

[6] Đối với lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo Luật sư Mai Hồng Hải đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 để xem xét cho bị cáo Lắc được hưởng mức án treo. Xét thấy, trong vụ án này bị cáo Lắc là người rủ 02 bị cáo Tài và Kha cùng thực hiện việc đánh bị hại gây thương tích, do đó đề nghị trên của người bào chữa là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố Rạch Giá về tội danh, về điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Đối với hành vi cố ý gây thương tích của người tên S (còn gọi là R) (chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, chưa rõ địa chỉ), Cơ quan điều tra xử lý hành chính.

[9] Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 45 cm, phần cán có bao nhựa màu đen, đã bị hư không duỗi ra được; 01 (một) cây dao dài 43 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

Theo lệnh nhập kho vật chứng số 57 ngày 30/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại số tiền 130.000.000 đồng và tại đơn bãi nại bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm về số tiền bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Án phí hình sự sơ thẩm:*

+ *Án phí hình sự:* Các bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T, phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Mỹ L 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Thái Vũ L 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn K 08 (tám) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tấn T 08 (tám) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án khấu trừ vào thời hạn tạm giam bị cáo từ ngày 12/02/2020 đến ngày 24/6/2020.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 45 cm, phần cán có bao nhựa màu đen, đã bị hư không đuôi ra được; 01 (một) cây dao dài 43 cm, cán có bao nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng. Theo Quyết

định chuyển vật chứng số 84/QĐ-VKS, ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá.

4. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Duy K yêu cầu các bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T bồi thường chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động, tổn thất tinh thần và giảm chức năng bộ phận cơ thể do thương tích gây nên với tổng số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm, ba mươi triệu đồng chẵn). Bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T thỏa thuận, bị cáo L bồi thường cho bị hại Trần Duy K 130.000.000 đồng (trong đó: bị cáo L tự bồi thường và bồi thường thay cho các bị cáo L, L, K, T). Ghi nhận sự thỏa thuận bị cáo L, L, K, T phải trả lại cho bị cáo L số tiền 26.000.000 đồng. Bị hại Trần Duy K đã nhận đủ tiền và đã làm đơn bãi nại và rút lại đơn yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo L, L, L, K, T. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự: Các bị cáo Trần Thị Mỹ L, Thái Vũ L, Nguyễn Văn L, Lê Văn K, Trần Tấn T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Cơ quan THA Dân sự TP. Rạch Giá;
- Công an TP. Rạch Giá;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Hoàng Chân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Bé Em Trần Lệ Nga

Trương Hoàng Chân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Tấn Nghĩa**.
- * Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lương Minh Bôn** và bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân**.

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 18/02/2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: **Trương Văn Kiệt**.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi

và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau :

1. Về tội danh: Bị cáo Trương Văn Kiệt phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Kết quả biểu quyết: **3/3** .

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, **khoản 2** Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn Kiệt 06 tháng tù (Sáu tháng tù). Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Kết quả biểu quyết : **3/3**.

3. Về các vấn đề khác:

3.1 Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thanh kim loại, dài khoảng 107,2 cm, kích thước cạnh 4 x 2cm và rỗng ở giữa và 01 (một) cây dao tự chế, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 58 cm, cán dao có quấn băng keo đen. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 10/QĐ-VKS, ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá.

3.2 Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trương Văn Kiệt đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo yêu cầu của người bị hại Huỳnh Tuấn Vũ, với tổng cộng số tiền là 7.700.000 đồng. Người bị hại Vũ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX miễn xét.

3.3. Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Văn Kiệt phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3.4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết : **3/3**

Biên bản kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, có đọc lại cho mọi người cùng nghe và đồng ý ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Việc bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử đã xem xét, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đã thể hiện chính sách khoan hồng đối với bị cáo.

Do bị cáo Trường và người bị hại ông Trung đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án ghi nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc.

số tiền là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tổng cộng, bị cáo Dương Võ Minh Trường phải nộp án phí số tiền là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng).

Do người bị hại ông Trần Văn Tài không có yêu cầu

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Trương Hồng Nhớ và người bị hại Trần Văn Tài về việc bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, cụ thể: Bị cáo Trương Hồng Nhớ đã tự nguyện nộp số tiền 22.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số theo biên lai thu tiền số 01694 và 01693, ngày 05/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá để khắc phục thiệt hại mà bị cáo Nhớ đã gây ra cho ông Tài. Ông Tài thống nhất, đồng ý nhận số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) là hai bên giải quyết dứt điểm phần dân sự về bồi thường thiệt hại sức khỏe bị xâm phạm. Thời gian thực hiện việc bồi thường là sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Văn Tài có trách nhiệm liên hệ với Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Rạch Giá để được nhận số tiền 22.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số theo biên lai thu tiền số 01694 và 01693, ngày 05/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá do Trương Hồng Nhớ giao nộp để khắc phục thiệt hại đã gây ra cho Tài.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.